

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST

Ngày 11-9-2019

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Phạm Thị Hợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1997;

ĐKKHKT: thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: thôn Q, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1995;

ĐKKHKT: thôn T, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. *Người làm chứng:* Chị **Nguyễn Thị Hải N**, sinh năm 2000.

Trú quán: khu 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Chị T có mặt, anh Th, chị N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 15/12/2015. Sau khi kết hôn, chị và anh Th chung sống cùng gia đình chồng khoảng 01 tháng thì cùng nhau thuê nhà trọ tại thị trấn N, huyện N sinh sống, chị kinh doanh làm bánh sinh nhật, còn anh Th làm tự do. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về

cách sống, sinh hoạt, anh Th hay ghen tuông vô cớ về sinh sự, chửi, đánh, xúc phạm chị. Bên cạnh đó, còn có mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu, mỗi lần mẹ chồng sang thăm cháu nội, mẹ đẻ anh Th đều gây chuyện để anh Th đánh, chửi chị và từ đó vợ chồng không chia sẻ, chăm sóc nhau. Đầu năm 2019, anh Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, còn chị vẫn sống ở nhà trọ và nuôi con, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Anh D, sinh ngày 01/9/2016 hiện đang ở với chị. Chị xin được nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm nghề kinh doanh tự do, có thu nhập ổn định 10 triệu đồng/tháng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho bị đơn nhưng anh Th không đến Tòa án làm việc, tham gia hoà giải và không có văn bản thể hiện quan điểm về việc chị T xin ly hôn anh và giải quyết về vấn đề nuôi con.

Kết quả làm việc với đại diện UBND xã H và các đoàn thể và chính quyền thôn T, xã H đều cung cấp: Anh Th, chị T được tự do tìm hiểu tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống cùng gia đình anh Th một thời gian ngắn thì vợ chồng thuê trọ ở nơi khác sinh sống, làm ăn. Thời gian anh chị ở địa phương, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, thời gian ra ngoài thuê nhà, làm ăn vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn hay không, địa phương không nắm được. Đầu năm 2019 thấy anh Th về nhà bố mẹ đẻ (ông Ng, bà D) ở, mẹ con chị T không về ở cùng với anh Th. Sau đó anh Th đi làm tự do (công trình) thỉnh thoảng có về địa phương khi có việc rồi lại đi. Địa phương xác định hiện anh Th vẫn đăng ký hộ khẩu tại xã H, địa phương chưa chuyển khẩu, cắt khẩu hoặc làm thủ tục xuất cảnh cho anh Th, khi địa phương tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, gia đình anh Th từ chối không nhận. Nay, chị T xin ly hôn anh Th, đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, trường hợp anh chị không đoàn tụ được với nhau thì giải quyết theo quy định pháp luật. Do con của anh Th, chị T còn nhỏ, đang ở với chị T nên đề nghị giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho con chung.

Kết quả làm việc với chị Nguyễn Thị Hải N (là người ở gần xóm trọ với vợ chồng anh Th, chị T), chị N cung cấp: Chị ở gần xóm trọ với vợ chồng anh Th, chị T ở thị trấn N từ năm 2016. Khi vợ chồng anh Th về ở trọ, anh Th làm nghề tự do, chị T ở nhà trọ mở hiệu làm bánh ngọt để kinh doanh. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận, sau đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th hay ghen tuông, chị T đi đâu về, anh Th hay gây sự, chửi mắng, đánh chị T, vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi nhau. Chị đã trực tiếp chứng kiến hai lần anh Th đánh chị T. Đến đầu năm 2019, anh Th không còn ở với chị T nữa, chỉ còn hai mẹ con chị T ở với nhau, hiện anh Th ở đâu chị không nắm được.

Tại phiên toà, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Th; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Anh D, sinh ngày 01/9/2016 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Th được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên toà hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Th.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Th kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tứ Kỳ ngày 15/12/2015 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Cuối năm 2016, khi anh Th, chị T thuê nhà trọ ở thị trấn N sinh sống và làm ăn, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm. Theo chị T trình bày: anh Th hay ghen tuông nên thường xuyên gây sự, đánh, chửi chị, từ đó vợ chồng không quan tâm, chia sẻ và chăm sóc nhau. Lời khai của chị T phù hợp với lời khai của người làm chứng chị Nguyễn Thị Hải N là người ở gần xóm trọ, phù hợp với biên bản xác minh với chính quyền xã H xác định: Đầu năm 2019, anh Th về nhà bố mẹ đẻ ở và đi làm, mẹ con chị T không về ở cùng anh Th, vợ chồng ly thân cho đến nay. Căn cứ vào các tài liệu Tòa án thu thập được xác định anh Th hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H, hiện đi làm ăn tự do, thỉnh thoảng có về nhà khi có công việc, rồi lại đi. Chị T đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn tại thời điểm khởi kiện và đã được UBND xã H xác nhận được coi là đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên khi anh Th đi làm ăn nơi khác gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nhưng không thông báo cho chị T biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho chị T trong việc ly hôn. Từ

khi Toà án thụ lý vụ án đến nay, anh Th cũng không về Toà án để làm việc, tham gia hoà giải theo các văn bản đã được Toà án niêm yết, chị T vẫn cương quyết ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn anh Th là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Anh D, sinh ngày 01/9/2016, hiện đang ở với chị T. Chị T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị T thấy rằng: Từ khi vợ chồng ly thân, cháu D vẫn do chị T nuôi dưỡng, phát triển bình thường, tính đến ngày xét xử, mặc dù cháu D đã đủ 36 tháng tuổi nhưng vẫn còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Hiện chị T làm kinh doanh tự do tại nhà, có mức thu nhập ổn định khoảng 10 triệu đồng/tháng, chị T không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Anh Th đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Toà án làm việc. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, HĐXX tiếp tục giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Anh D cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Anh D, sinh ngày 01/9/2016 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, theo biên lai số AA/2017/0005112 ngày 08/5/2019.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã H, huyện T;
- UBND xã H, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Quân